

V.I.LÊNIN VỚI “CHỦ NGHĨA TAM DÂN” CỦA TÔN TRUNG SƠN

*Ths.Nguyễn Năng Nam **

Tôn Trung Sơn - Tôn Dật Tiên (1866 - 1925) - nhà chính khách kiệt xuất của Trung Quốc, nhà dân chủ cách mạng đầy tinh thần cao quý và anh hùng, “tiêu biểu cho một giai cấp không phải đang xuống mà là đang lên, một giai cấp không sợ tương lai, mà tin tưởng và đấu tranh quên mình cho tương lai đó, một giai cấp căm ghét dĩ vãng và biết vứt bỏ cái thói nát đã chết, cái thói nát bóp chết mọi cái đang sống, một giai cấp không tìm cách bảo vệ và phục hồi dĩ vãng để giữ lấy những đặc quyền của mình”. Là người sáng lập, hoàn thiện và truyền bá chủ nghĩa tam dân (chủ nghĩa dân tộc, dân quyền và dân sinh) vào phong trào cách mạng ở Trung Quốc để đưa nước này lên địa vị quốc tế, địa vị chính trị, kinh tế bình đẳng.

Là người hoan nghênh V.I.Lênin và Cách mạng Tháng Mười Nga. Cuộc cách mạng này đã có ảnh hưởng lớn đến thế giới quan của ông trong việc nhìn nhận, lên án bản chất của chủ nghĩa đế quốc để từ đó chủ trương đánh đổ bọn quân phiệt cấu kết với chủ nghĩa đế quốc, kiên quyết đập tan mọi sự can thiệp và không công nhận đặc quyền của đế quốc ở Trung Quốc, thừa nhận quyền tự quyết của các dân tộc ở nước này, kêu gọi thiết lập những quan hệ thân thiện giữa Trung Quốc với nước Nga Xô viết trên tinh thần “*liên Nga, liên Cộng, phù trợ công nông*”. Với mục đích thành lập một mặt trận

toàn dân đấu tranh cho độc lập và dân chủ hóa đất nước, Tôn Trung Sơn đã tích cực hoạt động cho sự hợp tác giữa Quốc dân đảng do ông lãnh đạo với Đảng Cộng sản Trung Quốc, ủng hộ công nhân và nông dân. Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Chính đảng mạnh, Quốc dân đảng, chính đảng duy nhất có một tổ chức cho phép tiếp xúc thường xuyên với các giai cấp khác nhau trong nhân dân Trung Quốc, được thừa nhận như là người đại diện của những khát vọng dân tộc Trung Hoa, và Chính phủ quốc dân, Chính phủ duy nhất xứng đáng với cái tên ấy tồn tại ở Trung Quốc, được xem như là chính quyền duy nhất có thể nói chuyện được”¹ và “không làm tôi tớ cho tập đoàn đế quốc nào cả”-đó là “đảng cách mạng của Tôn Dật Tiên”.

Tôn Trung Sơn cho rằng: Chủ nghĩa dân tộc là chủ nghĩa quốc tộc, là một thứ bảo bối giúp một quốc gia phát triển và một dân tộc sinh tồn. Đặc biệt, trong điều kiện Trung Quốc bị phong kiến Mãn Thanh thống trị và bị các nước phương Tây xâm xé, việc giành lại độc lập cho dân tộc, lật đổ triều đại Mãn Thanh, đánh đuổi các thế lực phương Tây là điều kiện tiên quyết để có dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc. Ông đưa ra các yếu tố để phân biệt giữa dân tộc này với dân tộc khác là: huyết thống, lối sống, ngôn ngữ, tôn giáo và niềm tin tôn giáo, phong tục tập quán. Với mong muốn khơi dậy và kích động vào lòng

* Học viện Khoa học Quân sự.

¹ Hồ Chí Minh. Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.2, tr.481.

tự hào của dân tộc đang bị tổn thương.

Khi giải thích sự thịnh suy của một dân tộc thì ông coi *dân số* là cơ sở của sự vận động và phát triển của lịch sử xã hội chứ không coi trọng phương thức sản xuất và hoàn cảnh địa lý. Đồng thời, theo ông, nguyên nhân quan trọng nhất dẫn tới Trung Quốc mất chủ nghĩa dân tộc là “bị dị tộc chinh phục”. Vì thế, *cần coi trọng chủ nghĩa dân tộc trước rồi mới đến chủ nghĩa thế giới* (tức đặt dân tộc lên trên quốc tế, ưu tiên dân tộc trước) “dân tộc trước, quốc tế sau, dân tộc mà chưa độc lập mà nghĩ đến quốc tế là không tương” và tin rằng, văn minh tinh thần của Trung Quốc rất đáng trân trọng, song cũng cần học tập cả tinh hoa văn hoá phương Tây thì mới có thể giải phóng dân tộc được. Ông khẳng định: “Muốn học nước ngoài, chúng ta phải đón đầu mà đuổi cho kịp, không nên lễ đũa theo sau... giờ đây nếu chúng ta biết đuổi theo xu thế của thế giới, học tập chỗ mạnh của nước ngoài, tất sẽ có thể đi xa hơn nước ngoài trong những gì mà ta học ở họ”². Nhưng khi cường thịnh lên, “chúng ta không những cần khôi phục địa vị của dân tộc, mà còn phải chịu trách nhiệm lớn trước thế giới. Nếu Trung Quốc không đảm đương được việc này, thì dù cường thịnh như thế nào nó cũng chỉ là mối hại lớn chứ không phải là mối lợi cho thế giới”. Do đó, Trung Quốc phải “cứu trợ kẻ yếu, nâng đỡ kẻ sắp ngã”, “giúp đỡ các dân tộc nhược tiểu chống lại các cường quốc trên thế giới”... có như thế “dân tộc Trung Quốc mới có thể phát triển; không thế, sẽ chẳng có hy vọng nào cho dân tộc chúng ta”.

Chủ nghĩa Dân quyền chủ trương dân quyền bình đẳng, phổ biến, mọi cá nhân và đoàn thể chống đế quốc đều được hưởng quyền tự do, dân chủ. Theo ông, dân quyền là sức mạnh chính trị của nhân dân, nhân dân quản lý chính trị. Chính trị là do hai bộ phận “chính” và “trị” cấu thành. *Chính* là việc của dân chúng, lực lượng lớn tập hợp việc của dân chúng gọi là chính quyền; chính quyền có thể gọi là dân quyền. *Trị* là quản lý việc của dân chúng, gọi là trị quyền; trị quyền có thể gọi là chính phủ. Bởi vậy, chính trị bao gồm hai lực lượng: *một là* chính quyền (quyền của dân chúng), gồm bốn quyền: tuyên cử, bãi miễn, sáng chế, phúc quyết; và *hai là* trị quyền (quyền của Chính phủ). Bởi ở châu Âu, trị quyền gồm có ba quyền: lập pháp, tư pháp và hành pháp.

Ở Trung Hoa trước kia, các quyền trên đều thuộc về hoàng đế, nhưng ở đây có thêm hai quyền độc lập không thuộc về nhà vua (mà châu Âu cũng không có) là quyền *giám sát và khảo thí*. Mỗi quyền đều có tổ chức, cơ chế hoạt động riêng. Tôn Trung Sơn đã dung hòa cả hai chế độ Âu - Á và lập ngũ quyền hiến pháp, chia trị quyền ra làm năm: lập pháp, tư pháp, hành pháp, giám sát và khảo thí. Theo tinh thần hiến pháp ấy, người dân Trung Hoa được lựa chọn người tài đức để giao trị quyền cho họ. Điều này cũng dùng để tránh nạn chính phủ bất lực, hoặc chính phủ quá mạnh rồi lại đàn áp dân chúng. Như vậy, ông đã thống nhất bốn quyền lớn của nhân dân và năm quyền của chính phủ trong một chính thể, hình thành một chế độ chính trị mới mà ở đó, nhân dân đã thực sự có quyền của mình và sẽ góp phần làm giảm

² Tôn Trung Sơn. *Chủ nghĩa tam dân*. Nxb Viện Thông tin khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr.159.

bớt sự tiêu cực trong bộ máy nhà nước, thực hiện một nền dân chủ và một nhà nước kiểu mới phù hợp với xu thế phát triển của dân tộc. Và ông tin rằng, nếu thực hành chính thể này thì Trung Quốc sẽ trở thành một thế giới chưa từng có.

Cùng với đó, ông cũng đề ra nguyên lý “quyền” và “năng”. Quyền thuộc về dân, là một lực lượng lớn như quốc gia, đủ sức chế ngự quần chúng - dân quyền. Hai tiếng “dân quyền” gồm ý nghĩa tự do và bình đẳng, vì dân quyền có thì hành thì mới có tự do, bình đẳng, qua đó lại tránh được tự do phóng túng, thái quá. Muốn thực hiện được vấn đề “dân quyền” thì cần phải có một chính phủ có đủ năng lực, có quyền định đoạt và hết lòng lo việc công ích. Tức là, những người tham gia chính phủ phải là những người hữu năng - trị quyền.

Chủ nghĩa Dân sinh - một bộ phận quan trọng cấu thành Chủ nghĩa Tam dân - góp phần giải quyết những vấn đề về “đời sống của nhân dân, sinh tồn của xã hội, sinh kế của quốc dân, sinh mệnh của quần chúng”³, “dân sinh là trung tâm của chính trị, trung tâm của kinh tế, trung tâm của mọi loại hoạt động lịch sử, giống như trọng tâm của không trung”⁴, cho nên “phải đưa trung tâm của chính trị, xã hội, kinh tế trong lịch sử quy về vấn đề dân sinh, lấy dân sinh làm trung tâm của lịch sử xã hội”⁵. Do đó, có lúc Tôn Trung Sơn gọi “chủ nghĩa dân sinh là chủ nghĩa xã hội, còn gọi là chủ nghĩa cộng sản, tức là chủ nghĩa đại đồng”⁶, “chủ nghĩa xã hội nghiên cứu vấn đề xã hội, kinh tế và đời sống của nhân loại, tức là nghiên

cứu vấn đề sinh kế của nhân dân”⁷ cho nên “không thể nói chủ nghĩa cộng sản chống lại chủ nghĩa dân sinh, mà trái lại còn là bạn tốt của nó”⁸ vì mục tiêu của cả hai đều “mong muốn nhân dân cả nước đều có thể bình yên, sung sướng, đều không bị khổ sở do tài sản phân phối không hợp lý công bằng, ý muốn loại trừ nỗi đau khổ”⁹, với ý nghĩa đó ông dùng chủ nghĩa dân sinh thay cho chủ nghĩa xã hội, để biểu đạt rõ ràng thực chất của vấn đề, chính lý một cách căn bản và để ai nghe đều có thể hiểu. Và hy vọng rằng, những lý luận đề ra trong chủ nghĩa dân sinh có thể kêu gọi quần chúng nhân dân đấu tranh xoá bỏ sự bất bình đẳng về kinh tế, đem lại sự ấm no cho tất cả mọi người, làm cho đất nước trở nên hùng mạnh.

Trong *Chủ nghĩa tam dân và tiền đồ của Trung Quốc*, ông khẳng định: Mục đích của chúng ta là mưu cầu hạnh phúc cho Trung Quốc. Vì không chịu sự chuyên chế của một nhóm người Mãn mà phải làm cách mạng dân tộc. Vì không chịu sự chuyên chế của một ông vua mà phải làm cách mạng chính trị, không chịu để một nhóm nhà giàu độc quyền mà phải làm cách mạng xã hội. Bởi, trong xã hội Trung Quốc cận đại, vấn đề sinh tồn của xã hội bị đe dọa nghiêm trọng. Sự bóc lột của chủ nghĩa đế quốc về kinh tế đã phá vỡ nền kinh tế truyền thống lâu đời ở Trung Quốc, làm cho vấn đề kinh tế và sinh mệnh của nhân dân trở nên khôn khó.

Xuất phát từ thực trạng Trung Quốc vốn là một nước nông nghiệp truyền thống, trong giai đoạn đầu (tức là trước cách mạng Tân Hợi năm 1911), Tôn Trung Sơn cho rằng,

³ Tôn Trung Sơn. Sdd., tr.313.

⁴ Tôn Trung Sơn. Sdd., tr.344.

⁵ Tôn Trung Sơn. Sdd., tr.344.

⁶ Tôn Trung Sơn. Sdd., tr.313.

⁷ Tôn Trung Sơn. Sdd., tr.318.

⁸ Tôn Trung Sơn. Sdd., tr.359.

⁹ Tôn Trung Sơn. Sdd., tr.369.

vấn đề ruộng đất là cái gốc của tất cả các vấn đề xã hội. Nếu ruộng đất được phân chia đồng đều thì sự phân biệt giàu nghèo không quá gậy gắt. Ngược lại, nếu có sự bất bình đẳng, nó sẽ tạo nên những vấn đề xã hội nghiêm trọng. Cho nên, với “chủ nghĩa dân sinh, đảng Quốc dân định hai biện pháp: một là bình quân địa quyền, hai là tiết chế tư bản”. Tức là, thực hiện bình quân địa quyền (là điều hoà hợp lý quyền lợi ruộng đất chứ không phải quan điểm chia đều ruộng đất cho mọi người), quy định giá đất, thực hiện quy phân gia tăng giá trị của giá đất về sở hữu chung của toàn dân và chủ trương *người cày có ruộng*.

Bình quân địa quyền yêu cầu phải quốc hữu hoá ruộng đất, huỷ bỏ các quan hệ sản xuất phong kiến lỗi thời nhằm làm cho việc buôn bán điền thổ diễn ra hết sức tự do, thúc đẩy nhanh chóng sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp. Hay, bình quân địa quyền chính là tư tưởng về công hữu quyền ruộng đất. Mục đích của nó là nhằm xoá bỏ sự lũng đoạn điền thổ của giai cấp thống trị phong kiến, khiến cho quyền ruộng đất trong cả nước đều được sử dụng một cách công bằng, hợp lý; đồng thời, cũng khiến cho ruộng đất có thể phát huy hết tác dụng, đem lại lợi ích chung cho mọi người, chứ không phải là quan điểm chia đều ruộng đất theo nghĩa đen của từ này. Có thể nói, một cương lĩnh như vậy ở một nước phong kiến lạc hậu đã đóng vai trò cách mạng trong cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột của chế độ phong kiến. Bởi vì, nó phần nào phản ánh được những nguyện vọng và quyền lợi thiết thân của người nông

dân với yêu cầu về ruộng đất.

Để thực hiện được điều này, Tôn Trung Sơn đã đưa ra một số biện pháp cụ thể, như chủ trương trao quyền định giá đất đai cho chủ đất, quy định về giá đất... Sau đó, bình quân địa quyền được cụ thể hoá bằng khẩu hiệu người cày có ruộng. Nhưng, muốn sản xuất nông nghiệp phát triển, nâng cao sản lượng thực phẩm đáp ứng nhu cầu của nhân dân thì phải thực hiện nhu cầu người cày có ruộng thông qua việc nhà nước đưa ra những quy định về luật ruộng đất, luật trưng thu ruộng đất nhằm hạn chế diện tích đất đai tư hữu. Nếu diện tích đất đai mà chủ đất sở hữu vượt quá mức quy định thì sẽ phải bán đi, hoặc nhà nước sẽ trưng thu phần dư thừa đó. Điều này sẽ tránh được tình trạng người thì có quá nhiều ruộng đất, còn kẻ thì lại không có ruộng đất để sinh sống, đảm bảo quyền sở hữu ruộng đất cho người nông dân. Bên cạnh đó, nhà nước cũng có thể cấp vốn và ruộng đất, hoặc cho người nông dân thuê đất để họ trực tiếp canh tác, giúp đỡ nông dân trong kỹ thuật canh tác, phát triển sản xuất, xây dựng các công trình thuỷ lợi tưới tiêu, khai khẩn đất hoang... để tạo ra cho người nông dân đủ ruộng đất, từ đó có thể hưởng quyền sở hữu ruộng đất canh tác. Ông cho rằng, chỉ có thực hiện khẩu hiệu “*người cày có ruộng*” thì mới có thể giải quyết được vấn đề cùng khổ của nông dân. Đó mới là cuộc cách mạng triệt để mang tính chất xã hội chủ nghĩa.

Đối với vấn đề *tiết chế tư bản*, Tôn Trung Sơn đề ra hai chính sách: *tiết chế tư bản tư nhân và phát triển tư bản nhà nước*. Mục

đích của tiết chế tư bản tư nhân là khiến cho chế độ tư bản tư nhân không thể thao túng được quốc kế dân sinh, ngăn chặn sự tập trung của cải quá mức vào tay tư nhân, ngăn chặn sự phân biệt giàu nghèo, ngăn cản sự phát triển của hiện tượng bất bình đẳng trong xã hội do sự chênh lệch giàu nghèo giữa tư bản tư nhân và người lao động. Để giải quyết vấn đề xã hội không thể dùng phương pháp cách mạng của phái mác xít mà “phải dùng phương pháp hoà bình thì mới có thể hoàn toàn giải quyết được vấn đề”. Phương pháp hoà bình gồm 4 biện pháp: cải cách xã hội và công nghiệp; công hữu hoá ngành giao thông; đánh thuế trực thu tức là thuế thu nhập; xã hội hoá phân phối, tức là hợp tác xã, “bốn biện pháp này không giống với biện pháp của phái mác xít. Chủ trương dùng những biện pháp này để cải thiện vấn đề kinh tế”¹⁰. Cùng với việc “tiết chế tư bản tư nhân”, Tôn Trung Sơn đề xuất đẩy mạnh phát triển tư bản nhà nước với hy vọng sẽ tạo ra được sức mạnh đối kháng chống lại sự áp chế về kinh tế của thế lực đế quốc. Mục đích của chính sách này là chấn hưng công nghiệp, phát triển thực nghiệp quốc gia, khai thác nguồn tài nguyên giàu có, tạo nên tư bản nhà nước. Để giải quyết được vấn đề này cần phải có giao thông, đường sắt, đường sông với quy mô lớn; thực hiện khai khoáng; sản xuất công nghiệp. Đồng thời, lấy những doanh nghiệp nhà nước để hạn chế phạm vi phát triển và lũng đoạn của tư bản tư nhân. Theo Tôn Trung Sơn, thực hiện những điều này nhằm tạo nên sự công bằng về quyền lợi vật chất cho mọi người trong xã hội, cũng

như tạo nên sức mạnh nội tại của quốc gia để chống lại những áp lực về kinh tế từ bên ngoài, mang lại một cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân Trung Quốc.

Sau khi đưa ra chủ trương bình quân địa quyền và tiết chế tư bản nhằm giải quyết vấn đề dân sinh về mặt chế độ, Tôn Trung Sơn đã đề cập đến những vấn đề thực tế cụ thể của Chủ nghĩa Dân sinh. Đó chính là vấn đề ăn, mặc, ở, đi lại. Tuy nhiên, do bệnh nặng và qua đời ông đã không kịp hoàn thành tâm nguyện của mình là sẽ giảng 6 bài về Chủ nghĩa Dân sinh. Song, trong bài giảng thứ ba và thứ tư, vấn đề ăn và mặc đã được ông phân tích rất tỉ mỉ. *Vấn đề ăn* là một vấn đề dân sinh vô cùng quan trọng. Nếu không giải quyết tốt thì sẽ không hoàn thành được Chủ nghĩa Dân sinh, vì điều này có liên quan tới sự tồn vong của con người. Để giải quyết được vấn đề này thì cần tập trung vào việc: giải quyết sản xuất và sau đó là vấn đề phân phối. *Vấn đề mặc*, mặc dù cũng là một nhu cầu quan trọng không thể thiếu trong cuộc sống, “vì vạn vật trong vũ trụ chỉ riêng có loài người, mà cũng chỉ loài người văn minh, mới biết mặc. Vậy ăn là vấn đề quan trọng thứ nhất, mặc là vấn đề quan trọng thứ hai trong đời sống con người”¹¹. Việc mặc của con người phát triển từ chỗ mặc những thứ cần thiết sang mặc những thứ tiện lợi, thoải mái; từ chỗ tiện lợi thoải mái đến chỗ mặc những cái đẹp, sang trọng. Tuy nhiên, Chủ nghĩa Dân sinh của Tôn Trung Sơn hoàn toàn không phải là nhằm giải quyết những thứ tạo ra sự nhàn nhã, tiện nghi, sang khoái, cũng không phải là nhằm giải quyết những thứ xa xỉ, mà chỉ giải quyết những thứ cần

¹⁰ Tôn Trung Sơn. *Sđđ*, tr.347.

¹¹ Tôn Trung Sơn. *Sđđ*, tr.396.

thiết, tức là phải làm cho 400 triệu người dân Trung Quốc lúc đó có đủ cái ăn, mặc cần thiết.

Tôn Trung Sơn coi chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa dân quyền là cương lĩnh để giành quyền lợi quốc gia và độc lập dân tộc, coi chủ nghĩa dân sinh là cương lĩnh phát triển kinh tế. Chủ nghĩa tam dân với ý tưởng là “dân hữu, dân trị, dân hưởng” (Của dân, dân quản lý, dân phân phối hưởng thụ). Ý tưởng của dân hữu, dân trị, dân hưởng là nhân dân cộng hữu quốc gia, nhân dân cộng quản chính trị, nhân dân cộng hưởng lợi ích... mọi quyền bính đều “cộng”, đều cùng là của chung, như thế mới là chủ nghĩa dân sinh chân chính, là thế giới đại đồng¹². Điều này đã trở thành phương hướng và mục tiêu hành động cho Đồng minh hội. Cũng từ đây, tư tưởng chính trị này không chỉ là ngọn cờ tập hợp mọi lực lượng đấu tranh, mà còn trở thành cương lĩnh chính trị hoàn chỉnh của cuộc cách mạng Tân Hợi (năm 1911) - cuộc đấu tranh cách mạng đã phá vỡ sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc ở châu Á và các cuộc cách mạng tư sản khác lúc bấy giờ, thúc đẩy toàn diện tiến trình cận đại hoá Trung Quốc, bước đầu giành được những quyền lợi nhất định cho nhân dân, V.I.Lênin đã nhận xét: “Bốn trăm triệu người châu Á chậm tiến đã giành được tự do và đã tham gia sinh hoạt chính trị. Một phần tư nhân loại trên trái đất, có thể nói là đã tỉnh giấc và hướng về ánh sáng, hướng về hoạt động và đấu tranh”¹³.

Tuy nhiên, cuộc cách mạng này cũng không thể tránh khỏi thất bại do những hạn chế của thời đại và hạn chế ngay từ trong

Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn, như V.I.Lênin đã đánh giá: “Nhà dân chủ tiên tiến đó của Trung Quốc lập luận y hệt một người Nga. Ông giống người dân tụy Nga nhiều đến mức có sự đồng nhất hoàn toàn về những tư tưởng cơ bản và trên một loạt những lời phát biểu”¹⁴. Mặc dù vậy, V.I.Lênin đã đánh giá rất cao bản chất dân chủ, cách mạng của chủ nghĩa tam dân: “Trước mắt chúng ta là một hệ tư tưởng thực sự vĩ đại của một dân tộc thực sự vĩ đại, một dân tộc chẳng những biết xót xa về tình trạng nô lệ lâu đời của mình, chẳng những biết mơ ước đến tự do và bình đẳng, mà còn biết *đấu tranh* chống lại những kẻ đã áp bức Trung Quốc hàng thế kỷ”¹⁵.

Chủ nghĩa dân chủ trung thực và chiến đấu đã thấm sâu vào từng dòng chữ trong cương lĩnh của Tôn Trung Sơn. Cương lĩnh đó hiểu rõ ràng, chỉ làm cách mạng “chúng tộc” không thôi thì không đủ và ở đó không hề có một chút tinh thần vô chính trị nào cả, hay dù chỉ là sự coi nhẹ tự do chính trị, dù chỉ là có tư tưởng dung hòa “cuộc cải cách xã hội”, những cải cách lập hiến và chế độ chuyên chế Trung Quốc. Cương lĩnh đó tán thành chủ nghĩa dân chủ hoàn chỉnh, đòi hỏi phải thành lập chế độ cộng hòa và trực tiếp đề cập đến vấn đề tình cảnh, đấu tranh của quần chúng, nhiệt liệt đồng tình với những người lao động và bị bóc lột, tin tưởng rằng họ có chính nghĩa và sức mạnh.

V.I.Lênin đã phê phán giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa với tính chất dao động, chuộng lợi và có thể phản bội trước những tình thế cách mạng khác nhau. Do đó, nếu không có một cao trào dân chủ chân thực và lớn

¹² Tôn Trung Sơn. *Sđd*, tr.369. ¹⁴ V.I.Lênin. *Sđd*, t.21, tr.512.

¹³ V.I.Lênin. *Sđd*, t.22, tr.232. ¹⁵ V.I.Lênin. *Sđd*, t.21, tr.514.

manh thúc đẩy quần chúng lao động, làm cho họ có đủ khả năng thực hiện nhiều điều kỳ diệu, một cao trào lộ ra qua từng câu trong cương lĩnh của Tôn Trung Sơn thì không thể thực sự giải phóng nhân dân Trung Quốc khỏi ách nô lệ lâu đời được; vì “hệ tư tưởng của chủ nghĩa dân chủ chiến đấu ở nhà dân túy Trung Quốc đó lại được kết hợp, *thứ nhất*, với những ước mơ xã hội chủ nghĩa, với hy vọng là Trung Quốc có thể bỏ qua con đường tư bản chủ nghĩa, có thể ngăn ngừa chủ nghĩa tư bản, và *thứ hai*, với một kế hoạch cải cách ruộng đất triệt để và việc tuyên truyền cho cuộc cải cách đó. Chính hai khuynh hướng tư tưởng - chính trị này là yếu tố cấu thành *chủ nghĩa dân túy*, xét theo ý nghĩa đặc thù của khái niệm ấy, tức là khác với chủ nghĩa dân chủ và bổ sung cho chủ nghĩa dân chủ”¹⁶.

Đúng về mặt học thuyết mà xét, việc “mơ tưởng” rằng ở Trung Quốc có thể “ngăn ngừa” được chủ nghĩa tư bản, rằng ở đó “cuộc cách mạng xã hội” sẽ dễ dàng hơn vì đó là nước lạc hậu,... thực chất là một “mơ tưởng” hoàn toàn phản động. Và, Tôn Trung Sơn, với “một sự ngây thơ trong trắng”, đã tự mình phá huỷ lý luận của chính mình khi ông thừa nhận điều mà cuộc sống buộc phải thừa nhận: “Trung Quốc đang đứng trước một sự phát triển công nghiệp lớn lao” (sự phát triển tư bản chủ nghĩa); “thương nghiệp” (chủ nghĩa tư bản) ở Trung Quốc “sẽ phát triển rất rộng rãi”; “sau 50 năm nữa ở nước ta sẽ có rất nhiều thành phố Thượng Hải”, tức là những trung tâm đông hàng triệu người, trong đó bọn tư bản thì giàu có, còn người vô sản thì thiếu thốn và

nghèo khổ.

Một vấn đề đặt ra là: vậy, “cái cương lĩnh ruộng đất (của Tôn Trung Sơn) thật sự phản động không?”. Theo nhận định của V.I.Lênin thì: “Không phải thế. Chính đó là biện chứng của những quan hệ xã hội ở Trung Quốc: các nhà dân chủ Trung Quốc có mối cảm tình trung thực với chủ nghĩa xã hội ở châu Âu, nhưng lại biến chủ nghĩa đó thành một học thuyết phản động, và trên cơ sở học thuyết phản động ấy, học thuyết về sự “ngăn ngừa” chủ nghĩa tư bản, họ đã xây dựng một cương lĩnh ruộng đất *thuần túy tư bản chủ nghĩa*, tư bản chủ nghĩa tối đa!”¹⁷.

Thực vậy, “cuộc cách mạng kinh tế” đó đưa đến sự chuyển giao địa tô cho nhà nước, thực hiện quốc hữu hóa ruộng đất thông qua một thứ thuế thống nhất. Sự chênh lệch giữa giá trị ruộng đất ở vùng nông thôn hẻo lánh và ở Thượng Hải là sự chênh lệch về số lượng địa tô. Giá trị ruộng đất là địa tô được tư bản hóa. Biến “sự tăng thêm giá trị” của ruộng đất thành “tài sản nhân dân” thì có nghĩa là chuyển giao địa tô, tức là sở hữu ruộng đất, vào tay nhà nước, hay nói một cách khác là quốc hữu hóa ruộng đất. Một cuộc cải cách như thế trong khuôn khổ chủ nghĩa tư bản là sự tiêu biểu cho chủ nghĩa tư bản thuần túy nhất, triệt để nhất, hoàn chỉnh, lý tưởng nhất.

Quốc hữu hóa ruộng đất đưa đến khả năng xóa bỏ địa tô tuyệt đối và chỉ giữ lại địa tô chênh lệch. Sự xóa bỏ triệt để nhất những độc quyền thời Trung cổ trong nông nghiệp cùng những mối quan hệ trung cổ trong nông nghiệp, việc buôn bán ruộng đất hết sức tự do và việc làm cho nông nghiệp có

¹⁶ V.I.Lênin. *Sđd.*, t.21, tr.515-516.

¹⁷ V.I.Lênin. *Sđd.*, t.21, tr.518.

khả năng thích ứng hết sức dễ dàng với thị trường đó chính là quốc hữu hóa ruộng đất mà học thuyết của C.Mác đã chỉ rõ. Nhưng, chủ nghĩa dân túy, đề “đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản” trong nông nghiệp, đã đề ra một cương lĩnh ruộng đất mà nếu thực hiện đầy đủ thì sẽ làm cho chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp phát triển hết sức nhanh chóng.

Trung Quốc càng lạc hậu bao nhiêu so với châu Âu và Nhật Bản thì nguy cơ chia năm xẻ bảy và nguy cơ tan rã dân tộc lại càng trầm trọng bấy nhiêu. Chỉ có chủ nghĩa anh hùng của quần chúng nhân dân cách mạng mới có thể “đổi mới” được nước này. Về mặt chính trị của chủ nghĩa anh hùng, nó có khả năng xây dựng nước cộng hòa Trung Hoa và, trong lĩnh vực nông nghiệp, đảm bảo sự phát triển tư bản chủ nghĩa nhanh chóng nhất bằng cách quốc hữu hóa ruộng đất.

Qua việc phân tích chủ nghĩa tam dân của Tôn Trung Sơn và những đánh giá của V.I.Lênin, ta có thể nhận thấy rằng, mặc dù chủ nghĩa tam dân còn có những hạn chế nhất định như: chủ nghĩa không tưởng, tính không kiên quyết, mang màu sắc dân chủ tư sản, quy động lực phát triển của xã hội là vấn đề sinh tồn, phủ nhận học thuyết đấu tranh giai cấp của Mác. Ông khẳng định: “Marx nhận định đấu tranh giai cấp là nguyên nhân của tiến hoá xã hội, đó là nhận định đảo ngược kết quả thành nguyên nhân, vì học thuyết Marx đảo ngược nhân quả, không rõ ràng căn nguyên”¹⁸. Ngoài ra, Tôn Trung Sơn coi chủ nghĩa dân sinh cũng là CNXH, chủ trương làm cách mạng dân

chủ tư sản cùng với cách mạng XHCN. Chủ trương ấy của ông thể hiện rõ sự hiểu biết có tính chất chủ quan và ảo tưởng về CNXH.

Nhưng với những gì mà tư tưởng này đóng góp cho cách mạng Trung Hoa và nhiều nước bị áp bức khác, V.I.Lênin đã đánh giá cao chủ nghĩa dân chủ cộng hoà chiến đấu và chân thực của Tôn Trung Sơn cùng mối cảm tình nồng nhiệt của ông đối với những người lao động và bị áp bức, với lòng tin tưởng vào chính nghĩa và sức mạnh của họ. Đồng thời, V.I.Lênin tỏ lòng tin tưởng rằng, không một lực lượng nào trên thế giới có thể quét sạch khỏi mặt đất chủ nghĩa dân chủ anh hùng của quần chúng nhân dân Trung Quốc: “Phái dân chủ tư sản cách mạng do Tôn Dật Tiên đại diện đang tìm con đường đúng đắn tiến tới “đổi mới” nước Trung Hoa nhằm phát triển đến cao độ tính chủ động, ý chí kiên quyết và lòng dũng cảm của quần chúng nông dân trong sự nghiệp cải cách chính trị và ruộng đất”; và, “Giai cấp vô sản Trung Quốc nhất định sẽ thành lập một đảng công nhân dân chủ - xã hội ở Trung Quốc dưới hình thức này hay hình thức khác. Đảng này sẽ phê phán những không tưởng tiểu tư sản và những quan điểm phản động của Tôn Dật Tiên, đồng thời nhất định sẽ thận trọng lọc ra, bảo tồn và phát triển hạt nhân dân chủ cách mạng trong cương lĩnh chính trị và ruộng đất của ông”¹⁹.

Những tư tưởng trong Chủ nghĩa Tam dân đã có ảnh hưởng lớn đến các nhà yêu nước của Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, trong đó tiêu biểu là Nguyễn Ái Quốc, với nội dung được hết sức quan tâm là

¹⁸ Tôn Trung Sơn. *Sđđ.*, tr.336.

¹⁹ V.I.Lênin. *Sđđ.*, t.21, tr.520.

ba nguyên tắc: “Dân tộc độc lập; Dân quyền tự do; Dân sinh hạnh phúc”²⁰ và chính sách “thân Nga, liên Cộng, phù trợ công nông”. Trên lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã thấy ở đó những tư tưởng tiến bộ, tích cực. Người đã viết trong bài “*Các nước đế quốc chủ nghĩa và Trung quốc*”: “Tôn Dật Tiên, người cha của cách mạng Trung Quốc, người đứng đầu chính phủ Quảng Châu, thì luôn luôn trung thành với những nguyên lý của mình, ngay cả trong những lúc khó khăn nhất. Cương lĩnh của Đảng ông-Quốc dân Đảng-là một cương lĩnh cải cách...”²¹. Đồng thời, khẳng định rằng Tôn Trung Sơn và Quốc dân Đảng luôn đấu tranh “đòi phải huỷ bỏ những hiệp ước bất công, xoá bỏ những nhượng bộ nhục nhã,... Trung Quốc phải là của người Trung Quốc và người Trung Quốc phải được tự do giải quyết công việc của mình theo ý mình muốn... Vì vậy ở Trung Quốc, Tôn Dật Tiên là một trong những nhà chính trị mà bọn đế quốc ghét

nhất và gờm nhất”²²; Cương lĩnh đó gồm những điều khoản chống đế quốc và chống quân phiệt một cách rõ rệt; tuyên bố đoàn kết với các dân tộc bị áp bức ở các nước thuộc địa và giai cấp vô sản quốc tế; đồng tình với cách mạng Nga. Vì thế, những chủ trương và chính sách của Tôn Trung Sơn nêu ra dễ dàng thích hợp với hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, đây là cái mà “nhân dân Việt Nam cần, là cái cần của dân tộc Việt Nam”.

Thực tiễn cách mạng cho thấy, Hồ Chí Minh đã không dừng lại ở những chủ trương của Quốc dân Đảng “dân tộc độc lập-dân quyền tự do-dân sinh hạnh phúc” trên nền tảng tư tưởng tư sản, mà Người đã phát triển khái niệm “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” lên một trình độ mới, mang tính giai cấp, tính nhân dân, tính dân tộc và tính cách mạng sâu sắc, triệt để của một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, rồi tiến dần lên chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng./.

²⁰ Trần Dân Tiên. *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1969, tr.62.

²¹ Hồ Chí Minh. *Sổđ*, t.1, tr.319.

²² Hồ Chí Minh. *Sổđ*, t.2, tr.148-149.